

Số: 2796 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 19 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và các sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1489/SKHĐT-PTKTN ngày 20/11/2014, Sở Tài chính tại Công văn số 3435/STC-HCSN ngày 13/11/2014 và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 259/TTr-SNN ngày 28/11/2014 về việc phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, cụ thể:

1. Tên Dự án: điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020;

2. Cơ quan lập quy hoạch: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Điều tra Quy hoạch Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Mục tiêu, yêu cầu của Dự án

- Điều chỉnh phù hợp tình hình thực tế đầu tư và phát triển của địa phương theo quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng của địa phương theo chủ trương của chính phủ và UBND tỉnh, bổ sung và điều chỉnh diện tích đất lâm nghiệp giao về địa phương, lực lượng vũ trang quản lý, đồng thời, đưa diện tích đất thuộc khu vực Hồ Phước Hòa vào quy hoạch rừng phòng hộ.

5. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch: quy hoạch cục bộ, thời kỳ lập dự án điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

6. Nhiệm vụ của dự án quy hoạch

- Quy hoạch 9.160 ha rừng từ quy hoạch bảo vệ phát triển rừng sang thực hiện các dự án trồng cao su, dự án tái định canh, định cư, các dự án an sinh xã hội, kinh tế quốc phòng theo Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh.

- Điều chỉnh 495 ha đất quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng sang quy hoạch khu công nghiệp dọc đường Minh Hưng - Đồng Nơ theo Công văn số 4419/UBND-KTN ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh.

- Quy hoạch bổ sung diện tích thuộc lòng hồ Phước Hòa (lưu vực tỉnh Bình Phước) khoảng 300 ha vào quy hoạch bảo vệ phát triển rừng phòng hộ.

- Quy hoạch diện tích, ranh giới 03 loại rừng (Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất) phù hợp theo quy định và tình hình hiện nay. Xác định phạm vi ranh giới rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng đặc dụng toàn tỉnh trên bản đồ.

7. Sản phẩm của Dự án

- Báo cáo chính, báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020 đối với quy hoạch 03 loại rừng được báo cáo lồng ghép trong điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020.

- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, bản đồ điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng hệ VN2000;

8. Dự toán kinh phí thực hiện

- Kinh phí: 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng chẵn).

- Nguồn vốn: từ nguồn kinh phí quy hoạch năm 2015

9. Thời gian thực hiện: 04 tháng.

(Đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí quy hoạch kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Điều tra Quy hoạch Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

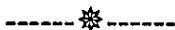
Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 2;
- LĐVP, Phòng KTN;
- Lưu: VT (0.11.10). G.T.



Nguyễn Văn Trầm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC



ĐỀ CƯƠNG - DỰ TOÁN
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT
TRIỂN RỪNG - QUY HOẠCH 03 LOẠI RỪNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2020

Tháng 12/2014



PHẦN I ĐỀ CƯƠNG KỸ THUẬT

I. Sự cần thiết

Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 06/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013. Thực hiện các mục tiêu kinh tế, quốc phòng, an ninh của địa phương, UBND tỉnh đã có nhiều chủ trương điều chỉnh một số diện tích đất lâm nghiệp để sử dụng vào các mục đích khác như: giao về địa phương; giao lực lượng vũ trang; đưa diện tích đất thuộc khu vực hồ Phước Hoà vào quy hoạch rừng phòng hộ. Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án trên đất lâm nghiệp theo Công văn số 586/VPCP-KTN ngày 24/01/2014 của Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2014. Vì vậy cần phải điều chỉnh lại quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020 để phù hợp với nhu cầu sử dụng đất trong lâm nghiệp phục vụ phát triển kinh tế, an sinh xã hội của tỉnh.

II. Căn cứ pháp lý

1. Văn bản của Bộ, ngành và Trung ương

- Luật Bảo vệ và phát triển rừng;
- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.
- Quyết định 186/2006/QĐ-TTg, ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý rừng;
- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
- Quyết định 18/2007/QĐ-TTg, ngày 5/2/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam (2006-2020);
- Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
- Thông tư số 05/2008/TT-BNN, ngày 14/1/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

- Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Công văn số 586/VPCP-KTN ngày 24/01/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc rà soát các dự án chuyển đổi rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Chỉ thị số 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ;

2. Văn bản của tỉnh

- Quyết định số 11/2007/QĐUB Ngày 19/3/2007 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2006 - 2010.

- Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020;

- Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các dự án theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ;

- Công văn số 741/UBND-KTN ngày 18/3/2014 của UBND tỉnh về việc thuận chủ trương điều chỉnh Quy hoạch 03 loại rừng, Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020 và Quy hoạch trồng Cao su;

III. Hình thức thực hiện điều chỉnh quy hoạch

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020

2. Hình thức thực hiện điều chỉnh quy hoạch: Điều chỉnh cục bộ.

3. Quan điểm điều chỉnh quy hoạch: Thực hiện điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế theo quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

IV. Nội dung điều chỉnh quy hoạch

1. Nội dung thực hiện



a. Điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020

- Quy hoạch quản lý sử dụng 9.160 ha rừng từ quy hoạch bảo vệ phát triển rừng sang thực hiện các dự án trồng cao su, dự án tái định canh định cư, các dự án an sinh xã hội và kinh tế quốc phòng theo Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh, gồm:

STT	Đơn vị	Tiểu khu	Diện tích (ha)
1	NLT Bù Đốp	55, 58, 59, 60, 61, 66, 70, 71, 72, 73, 74	1.462
2	BQLRKT Suối Nhung	361, 363	766,16
3	NLT Đắc Mai	33, 41, 42, 44, 45, 46, 49, 50, 51, 52	1241
4	NLT Đồng Nai	184, 196	114,2
5	Ban QLRPB Lộc Ninh	89, 90, 92, 93, 94, 97, 102, 104	546
6	NLT Tân Lập	379, 382, 386	912,9
7	NLT Đồng Xoài	343, 345	1.788
8	Ban QLRPB Tà Thiết	213, 214, 215, 216, 219	2.000
9	Các lâm phần khác		330
	Tổng		9.160

- Điều chỉnh 495 ha đất quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng sang quy hoạch khu công nghiệp dọc đường Minh Hưng - Đồng Nơ theo Công văn số 4419/UBND-KTN ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh về việc quy hoạch khu công nghiệp dọc đường Minh Hưng - Đồng Nơ.

- Quy hoạch bổ sung diện tích thuộc lòng hồ Phước Hòa (lưu vực tỉnh Bình Phước) khoảng 300 ha vào quy hoạch bảo vệ phát triển rừng phòng hộ.

- Rà soát, đánh giá, tổng hợp tài liệu đã thu thập; xây dựng báo cáo điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn

2011 - 2020 và đề xuất các vấn đề liên quan đến việc điều chỉnh quy hoạch.

- Điều chỉnh quy hoạch diện tích, ranh giới 03 loại rừng (Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất) khi phát sinh, thay đổi.

- Điều chỉnh một số chỉ tiêu về bảo vệ và phát triển rừng theo điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng, đặc biệt về quy mô diện tích theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2008/TT-BNN, ngày 14/1/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

- Các nội dung ngoài phạm vi điều chỉnh này vẫn giữ nguyên theo quy hoạch đã được UBND tỉnh duyệt tại Quyết định 06/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013. Mặc khác, do quy hoạch mới được triển khai thực hiện trong thời gian ngắn (hơn 01 năm) nên không thực hiện đánh giá hiện trạng, không xây dựng bản đồ hiện trạng, chỉ tập trung việc xác định vị trí điều chỉnh đưa ra, hay đưa vào quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; Tuy nhiên, cần khảo sát, đo đạc và lập bản đồ khu vực điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch 03 loại rừng của tỉnh.

b. Điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng:

Căn cứ Bản đồ quy hoạch 03 rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 11/2007/QĐ-UBND ngày 19/3/2007; Bản đồ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 làm cơ sở rà soát, điều chỉnh. Để xây dựng bản đồ điều chỉnh, bổ sung diện tích đất lâm nghiệp theo quy hoạch 03 loại rừng dựa trên các nội dung điều chỉnh cần tiến hành những công việc sau:

- Kiểm tra toàn bộ ranh giới các đơn vị chủ rừng;
- Kiểm tra ranh giới hành chính các xã, huyện trong phạm vi nêu trên;
- Chuyển hóa toàn bộ kết quả kiểm tra ranh giới các đơn vị chủ rừng, đơn vị hành chính xã, huyện lên bản đồ VN2000 tỷ lệ 1/25.000 cho từng đơn vị chủ rừng và cho toàn tỉnh;
- Kiểm tra ranh giới khoảnh, ranh giới các tiểu khu của các đơn vị chủ rừng và chuyển hóa kết quả kiểm tra lên bản đồ VN2000 tỷ lệ 1/25.000.
- Cập nhật hiện trạng rừng đối với các vị trí cần điều chỉnh để phục vụ việc chuyển mục đích sử dụng đất theo nội dung điều chỉnh nêu trên.
- Cập nhật hiện trạng đất lòng hồ Phước Hòa để đưa vào quy hoạch rừng phòng hộ. Đồng thời khảo sát, đo vẽ, chuyển hóa kết quả lên bản đồ quy hoạch 03 loại rừng của tỉnh Bình Phước;



- Xác định phạm vi ranh giới rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng đặc dụng toàn tỉnh trên bản đồ VN2000, tỷ lệ 1/50.000;
- Thống nhất phạm vi ranh giới lâm phần cho các loại rừng đã xác lập với các đơn vị liên quan trong quản lý nhà nước về đất lâm nghiệp;
- Xác định và thống kê diện tích điều chỉnh ngoài thực địa và đưa lên bản đồ theo lô, khoảnh, tiểu khu, đơn vị quản lý;
- Tổng hợp xây dựng về bản đồ điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng VN2000, tỷ lệ 1/100.000.

2. Phương pháp thực hiện

- Căn cứ vào Quy hoạch BVPTR tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2020 đã phê duyệt, việc điều chỉnh quy hoạch **chỉ tập trung điều chỉnh các nội dung được nêu tại phần “IV. Nội dung điều chỉnh”**.

- Làm việc với các đơn vị chủ rừng và địa phương để thống nhất các vị trí, diện tích, hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp đã có sự điều chỉnh hoặc có nhu cầu điều chỉnh nhưng chưa được điều chỉnh 03 loại rừng theo kết quả quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2013.

- Sử dụng bản đồ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 – 2020 làm bản đồ nền cho việc nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh.

- Sử dụng phần mềm MapInfo để khoanh vẽ các vị trí đưa vào quy hoạch, đưa ra khỏi quy hoạch dựa trên bản đồ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được phê duyệt làm cơ sở điều chỉnh.

3. Sản phẩm điều chỉnh dự án quy hoạch

- Báo cáo chính, báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020, đối với quy hoạch 03 loại rừng được báo cáo lồng ghép trong điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020. Bản đồ điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, bản đồ điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng hệ VN2000, khổ A0, tỷ lệ 1/100.000: 15 bộ;

- Đĩa USB lưu trữ nội dung bản đồ, nội dung báo cáo chính, báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch BVPTR tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2020 và các các số liệu, dữ liệu, bảng biểu, sơ đồ kèm theo: 02 đĩa.

- Các tài liệu liên quan khác: biên bản làm việc với các chủ rừng hoặc đơn vị có liên quan; các bản đồ A4 kèm theo báo cáo thuyết minh.

V. Tổ chức thực hiện:

1. Hồ sơ trình phê duyệt:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch điều chỉnh bảo vệ - phát triển rừng và điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020;

- Báo cáo chính thuyết minh quy hoạch điều chỉnh đã được hoàn thiện, sau khi góp ý, thẩm định của các cơ quan có liên quan, được in trên giấy khổ A4, đóng quyển, trang phụ bìa có chữ ký và con dấu của Thủ trưởng cơ quan trình phê duyệt, quy hoạch và cơ quan tổ chức thực hiện lập quy hoạch;

- Hệ thống bản đồ khổ A0 hệ tọa độ VN-2000;

- Các Biên bản làm việc thống nhất với các chủ rừng;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch bổ sung (mẫu tại Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

2. Tổ chức thực hiện:

Trình tự thực hiện theo tinh thần tại Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu. Trách nhiệm cụ thể của các đơn vị:

- Đơn vị phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Bình Phước

- Đơn vị thẩm định: Sở Kế hoạch & Đầu tư, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Đơn vị lập quy hoạch: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Điều tra Quy hoạch Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước

- Các đơn vị phối hợp: theo chức năng nhiệm vụ theo lĩnh vực của các đơn vị thực hiện phối hợp, cụ thể:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm và một số đơn vị có liên quan.

+ UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh

+ Các đơn vị chủ rừng, các công ty cao su

3. Kế hoạch thực hiện

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện lập quy hoạch, giao đơn vị Trung tâm Điều tra Quy hoạch Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quy hoạch trong thời gian 04 tháng, trình các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định, cụ thể:

- Thu thập, phân tích, đánh giá các loại tài liệu, bản đồ: 0,5 tháng;
- Công tác ngoại nghiệp, kiểm chứng thực địa: 1,5 tháng;
- Công tác nội nghiệp, xây dựng báo cáo, bản đồ: 01 tháng;
- Thông qua góp ý dự thảo: 0,5 tháng
- Báo cáo thẩm định, hoàn thiện dự án và trình phê duyệt: 0,5 tháng;
- Bàn giao sản phẩm và thanh quyết toán: Sau khi có Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020 của UBND tỉnh.

4. Công bố quy hoạch:

- Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch điều chỉnh bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 và quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2020, tiến hành công bố quy hoạch theo hình thức: Tổ chức Hội nghị có sự tham gia của đại diện các chủ rừng, UBND các huyện, thị xã, các tổ chức cơ quan có liên quan. Đồng thời, thông báo trên trang website chính thức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nội dung công bố dự án quy hoạch điều chỉnh: Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng - quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2011-2020 của UBND tỉnh; lấy ý kiến của các thành phần tham dự Hội nghị cho dự án quy hoạch được công bố, kịp thời bổ sung sửa đổi (nếu có);

- Chuyển giao báo cáo thuyết minh chính thức và bản đồ kèm theo cho 09 đơn vị chủ rừng, 05 huyện, thị có đất lâm nghiệp và các đơn vị liên quan để quản lý thực hiện.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng dự toán: 74.400.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đến năm 2020: **38.600.000 đồng** (Ba mươi tám triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn)

- Chi phí xây dựng điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng: **35.800.000 đồng** (Ba mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn)

(chi tiết theo Bảng tổng hợp kèm keo)

2. Nguồn vốn thực hiện: ngân sách tỉnh, từ nguồn kinh phí quy hoạch năm 2015

3. Thời gian thực hiện: năm 2014 - 2015

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH BẢO VỆ PHÁT TRIỂN RỪNG - QUY HOẠCH 03 LOẠI RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2796/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Chi phí điều chỉnh quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng	Bảng 1	38,600,000
2	Chi phí điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng (khảo sát, đo vẽ, lập bản đồ)	Bảng 2	35,800,000
	Tổng cộng		74,400,000

PHẦN II: DỰ TOÁN KINH PHÍ

1. Căn cứ lập dự toán:

- Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

- Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

- Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/2/2007 của Bộ NN&PTNT Ban hành định mức lao động điều tra quy hoạch rừng

- Căn cứ tình hình thực tế, khối lượng nội dung cần thực hiện điều chỉnh quy hoạch và các chế độ tài chính hiện hành.

2. Thuyết minh dự toán kinh phí.

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

Đối với quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2020 được UBND tỉnh phê duyệt vào đầu năm 2013. Nay phải điều chỉnh quy hoạch phù hợp theo chủ trương của UBND tỉnh để tổ chức thực hiện đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội. Chi phí lập điều chỉnh quy hoạch tối đa bằng 10% chi phí thực hiện quy hoạch mới.

Tuy phạm vi diện tích cần phải điều chỉnh không lớn nhưng khối lượng công việc nhiều, vị trí các khu vực điều chỉnh nằm rải khắp các đơn vị quản lý rừng và trên lưu vực lòng hồ Phước Hòa, nhất là việc xác định vị trí, diện tích, hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp để đưa ra khỏi diện tích quy hoạch 03 loại rừng và khảo sát, xác định vị trí, diện tích, hiện trạng sử dụng đất tại lòng hồ Phước Hòa để đưa vào quy hoạch rừng phòng hộ theo chủ trương của UBND tỉnh và bộ ngành liên quan.

Đối với quy hoạch điều chỉnh 03 loại rừng được thực hiện kết hợp rà soát, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 nên kinh phí để thực hiện phải theo thực tế, lồng ghép để thực hiện. Theo quy định tại Điều 3 thông tư này (quy định nguyên tắc xác định giá lập quy hoạch), do nhiệm vụ đặc thù trong quy hoạch BV&PTR có lồng ghép cả thực hiện việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng), đặc biệt là việc xác định diện tích cụ thể đưa ra khỏi quy hoạch và diện tích vào quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng nên cần thực hiện thêm các công việc khảo sát, đo vẽ và lập bản đồ khu vực điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng là hợp lý và phù hợp.

Chi phí lập dự án quy hoạch điều chỉnh gồm:

- Chi phí lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 (bằng 10% chi phí quy hoạch mới);

- Chi phí các công việc khảo sát, đo vẽ và lập bản đồ điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng (lồng ghép và tình hình thực tế để hoàn thành)

+ Thuế giá trị gia tăng

Ngoài ra, các khoản không tính vào dự toán: chi phí lương, BHXH, khấu hao tài sản, thuê chuyên gia, chi phí quản lý. Chi phí này đơn vị sử dụng nguồn lực của đơn vị để thực hiện.

Cụ thể:

a. Chi phí điều chỉnh quy hoạch BV&PTR đến năm 2020

Xác định giá quy hoạch theo công thức tính:

$$\text{Giá}_{\text{QH}} = G_{\text{chuẩn}} \times H_1 \times H_2 \times H_3 \times Q_n \times K$$

Trong đó:

- Giá_{QH} : Giá quy hoạch BV&PTR.

- $G_{\text{chuẩn}}$: Mức chi phí cho dự án quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH chuẩn, có giá trị là 850 triệu đồng;

- H_1 : Hệ số cấp độ địa bàn quy hoạch được xác định tại Phụ lục I là 1;

- H_2 : Hệ số điều kiện làm việc và trình độ phát triển KT-XH của địa bàn quy hoạch được xác định tại Phụ lục II là 2;

- H_3 : Hệ số quy mô diện tích tự nhiên của địa bàn quy hoạch được xác định tại Phụ lục III là 1,34 ;

- Q_n : Hệ số khác biệt giữa quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu được xác định tại Phụ lục VII là 0,13 (SXKD: Lâm nghiệp);

- K : Hệ số điều chỉnh lương tối thiểu và mặt bằng giá tiêu dùng được xác định theo hướng dẫn tại Phụ lục XI như sau: $K = K_1 + K_2 = 0,301 + 0,95 = 1,251$

Trong đó:

$$+ K_1 = 0,3 \times \text{Chỉ số tiêu dùng tại thời điểm tính toán} = 0,3 \times 100,39\% = 0,301$$

(Chỉ số tiêu dùng Tháng 7/2014 là 100,39 % - Tổng cục Thống kê)

$$+ K_2 = 0,7 \times \text{Hệ số điều chỉnh lương} = 0,7 \times 1,353 = 0,95$$

(Hệ số điều chỉnh lương = $1.150.000 \text{ đ} / 850.000 \text{ đ} = 1,353$)

$$\text{Vây Giá}_{QH} = 850.000.000 \times 1 \times 2 \times 1,34 \times 0,13 \times 1,251 = 370.175.000 \text{ đồng.}$$

$$\text{Giá}_{QHDC} = 370.175.000 \text{ đồng} \times 10\% = 37.017.500 \text{ đồng}$$

$$\text{Làm tròn:} \quad \quad \quad = 37.000.000 \text{ đồng}$$

$$\text{Thuế VAT (5\%): } (37.000.000 - 4.995.000) \times 5\% = 1.600.000 \text{ đồng}$$

Tổng chi phí điều chỉnh quy hoạch BVPTR: 38.600.000 đồng (Ba mươi tám triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn)

(Chi tiết theo Bảng 1 kèm theo).

b. Chi phí điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng:

Việc điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng gồm các phần công việc nêu trên. Tuy nhiên tận dụng tối đa nhân lực, vật lực của đơn vị để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ, hạn chế tối đa sử dụng ngân sách địa phương. Vì vậy, chi phí điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng chỉ tính các công việc khảo sát đo vẽ và lập bản đồ điều chỉnh 03 loại rừng là các chi phí cần thiết phải được sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện, như sau:

Tổng chi phí điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng: 35.800.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn)

(Chi tiết theo Bảng 2 kèm theo)

**BIỂU 01: CHI TIẾT DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG ĐẾN NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2796 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	TỈ LỆ (%)	THÀNH TIỀN
A	CHI PHÍ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH		37,000,000
I	Chi phí cho công việc chuẩn bị đề cương quy hoạch	2.5	925,000
1	Chi phí xây dựng đề cương, nhiệm vụ	1.5	555,000
2	Lập dự toán kinh phí theo đề cương, nhiệm vụ	1	370,000
II	Chi phí nghiên cứu xây dựng báo cáo dự án điều chỉnh quy hoạch	84	31,080,000
1	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	7	2,590,000
2	Chi phí thu thập bổ sung về số liệu, tư liệu theo yêu cầu quy hoạch	4	1,480,000
3	Chi phí khảo sát thực tế	20	7,400,000
4	Chi phí thiết kế quy hoạch	53	19,610,000
4.1	<i>Phân tích, đánh giá vai trò vị trí ngành</i>	<i>1</i>	<i>370,000</i>
4.2	<i>Phân tích, báo tiên bộ khoa học, công nghệ và phát triển ngành của khu vực; của cả nước tác động tới phát triển ngành của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch</i>	<i>3</i>	<i>1,110,000</i>
4.3	<i>Phân tích đánh giá hiện trạng phát triển ngành</i>	<i>4</i>	<i>1,480,000</i>
4.4	<i>Nghiên cứu mục tiêu và quan điểm phát triển ngành của tỉnh</i>	<i>3</i>	<i>1,110,000</i>
4.5	<i>Nghiên cứu, đề xuất các phương án phát triển của tỉnh</i>	<i>6</i>	<i>2,220,000</i>
4.6	<i>Nghiên cứu các giải pháp thực hiện mục tiêu</i>	<i>20</i>	<i>7,400,000</i>
a	Luận chứng các phương án phát triển	5	1,850,000
b	Xây dựng phương án phát triển, đào tạo nguồn nhân lực	1	370,000
c	Xây dựng các phương án và giải pháp phát triển khoa học công nghệ	1	370,000
d	Xây dựng các phương án và giải pháp bảo vệ môi trường	1.5	555,000
đ	Xây dựng các phương án, tính toán nhu cầu và đảm bảo vốn đầu tư	4	1,480,000
e	Xây dựng các chương trình dự án đầu tư trọng điểm	1.5	555,000
g	Xây dựng phương án tổ chức lãnh thổ	3	1,110,000
h	Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách và đề xuất các phương án thực hiện	3	1,110,000
4.7	<i>Xây dựng báo cáo tổng hợp và hệ thống các báo cáo liên quan</i>	<i>8</i>	<i>2,960,000</i>
a	Xây dựng báo cáo đề dẫn	1	370,000
b	Xây dựng báo cáo tổng hợp	6	2,220,000
c	Xây dựng các báo cáo tóm tắt	0.6	222,000
d	Xây dựng văn bản trình thẩm định	0.2	74,000
đ	Xây dựng văn bản trình phê duyệt dự án quy hoạch	0.2	74,000
4.8	<i>Xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch</i>	<i>8</i>	<i>2,960,000</i>
III	Chi phí quản lý và điều hành	13.5	4,995,000
1	Chi phí quản lý quản lý dự án quy hoạch	4	1,480,000
2	Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán	1.5	555,000
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	4.5	1,665,000
4	Chi phí công bố quy hoạch	3.5	1,295,000
B	THUẾ VAT (I + II)	5%	1,600,250
C	CHI PHÍ SAU THUẾ (A + B)		38,600,250
	LÀM TRÒN SỐ		38,600,000

BIỂU 02: CHI TIẾT DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH 03 LOẠI RỪNG
 (Ban hành kèm theo Quyết định số: 2791/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh)

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	TỔNG CỘNG				35,800,000	
I	Công tác ngoại nghiệp				26,800,000	
1	Thu thập bản đồ nền địa hình và các loại bản đồ, chủ trương sử dụng đất lâm nghiệp của tỉnh Bình Phước (Lương ngày b/q: 150.000 đồng)	Công	15	150,000	2,250,000	
2	Khảo sát, khoan vẽ xác định khu vực điều chỉnh quy hoạch (dự kiến bình quân 5 công/đơn vị cần khảo sát- 12 đv)	Công	60	150,000	9,000,000	
3	Thuê người dẫn đường	Công	12	250,000	3,000,000	
5	Nhiên liệu phục vụ (xăng), đi khảo sát trên 9 đơn vị chủ rừng và 3 xã: độ dài dự kiến 2.500 km; định mức nhiên liệu xăng 18 lít/100 km	Lít	450	23,000	10,350,000	
6	Nhiên liệu nhớt (8 lít/1000 km)	Lít	20	85,000	1,700,000	
7	Vé cầu đường (tạm tính)				500,000	
II	Công tác nội nghiệp				9,000,000	
1	Số hóa bản đồ (chuẩn bị, số hóa, biên tập, tính toán diện tích...)	Công	40	150,000	6,000,000	
2	Kiểm tra bản đồ	Công	5	150,000	750,000	
3	Tổng hợp, đối chiếu, thống kê diện tích các loại đất, loại rừng	Công	5	150,000	750,000	
4	In ấn bản đồ hoàn chỉnh	Mảnh	15	100,000	1,500,000	